

Bản án số: 133/2020/HS- PT
Ngày: 25 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuấn
2. Bà Trần Thị Nhài

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*
Ông Lý Đình Kiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2020/TLPT-HS ngày 27/7/2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

**Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo Hà Ngọc S (không có tên gọi khác), sinh ngày 28 tháng 12 năm 1968, tại huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm AS, xã KP (trước khi sáp nhập là xóm 8 KT, xã KS), huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc M và bà Đinh Thị T; vợ: Ninh Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019; hiện tại ngoại. Có mặt.

2. Bị cáo: Nguyễn Văn T1 (không có tên gọi khác), sinh ngày 08 tháng 7 năm 1973, tại huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm AS, xã KP (trước khi sáp nhập là xóm 8 KT, xã KS), huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do (tại phiên tòa bị cáo khai nghề nghiệp kinh doanh); trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Tạ Thị L; vợ: Hoàng Thị M1; có 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 27/12/2019; hiện tại ngoại. Có mặt.

3. Bị cáo: Đoàn Văn H1 (không có tên gọi khác), sinh ngày 19/02/1972, tại huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm

AS, xã KP (trước khi sáp nhập là xóm 8 KT, xã KS), huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Duyên H2 và bà Nguyễn Thị L1; vợ: Ngô Thị Phương T2; có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019; hiện tại ngoại. Có mặt.

4. Bị cáo: Đoàn Đức H3 (không có tên gọi khác), sinh ngày 08/02/1976, tại huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm TT, xã QK huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Duyên H2 và bà Nguyễn Thị L1; vợ: Dương Thị Thu H4 (đã ly hôn); có 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019; hiện tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3:*
Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980 – Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV TH thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ trụ sở Công ty: Số 46 đường NTT, xã ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt).

- *Người chứng kiến:*

1) Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; nơi cư trú: Xóm AS, xã KP (trước khi sáp nhập là xóm 7 KT, xã KS), huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

2) Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm AS, xã KP (trước khi sáp nhập là xóm 8 KT, xã KS), huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

- *Điều tra viên, cán bộ điều tra, cán bộ thuộc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên được phân công nhiệm vụ bắt quả tang, điều tra vụ án được triệu tập đến phiên tòa:*

1) Ông Nguyễn Mạnh C1 – Nguyên Điều tra viên; hiện là Trưởng công an xã Linh Thông, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

2) Ông Đỗ Quang T3 – Cán bộ điều tra; (có mặt).

3) Ông Ninh Văn T4 – Cán bộ điều tra; hiện là Phó trưởng Công an xã Phượng Tiến, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

4) Ông Bùi Tiến D – Cán bộ. Hiện là cán bộ điều tra Công an huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; (có đơn xin xử vắng mặt).

5) Ông Trần Xuân P1 – Cán bộ. Hiện là Phó trưởng công an xã LV, huyện ĐH; (có mặt).

6) Ông Lê Tuấn A – Cán bộ; (vắng mặt).

7) Ông Nguyễn Tuấn A – Cán bộ. Hiện là cán bộ Công an xã LV, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 18/4/2019, Nguyễn Văn T1, Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1 đến nhà của Hà Ngọc S chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, cả nhóm gồm S, T1, H3, H1 rủ nhau đánh bạc bằng hình thức "ba cây", sát phạt nhau bằng tiền và cùng nhau đi vào phòng khách của nhà S để đánh bạc. Đến 12 giờ 15 phút, ngày 18/4/2019, tổ công tác Công an huyện ĐH đã phát hiện bắt quả tang tại nhà ở của Hà Ngọc S tại xóm 8 KT, xã KS (nay là xóm AS, xã KP), huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên có 04 đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức "ba cây", sát phạt nhau bằng tiền, bao gồm: Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3. Tổ công tác tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; Biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ. Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc: Tiền Việt Nam là: 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng cùng các vật chứng khác.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 khi mới bị bắt đưa về trụ sở của Cơ quan điều tra, T1 khai: Khi đánh bạc T1 lấy toàn bộ số tiền khoảng 2.000.000đ (hai triệu đồng) trong ví ra để đánh bạc, khi bị bắt đã bị cơ quan công an thu giữ. Tuy nhiên, sau đó T1 thay đổi lời khai. Cụ thể: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 18/4/2019, T1 khai khi đi đánh bạc mang theo số tiền 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), khi đánh bạc, T1 chỉ bỏ ra số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng), còn 2.000.000đ (hai triệu đồng) T1 vẫn để trong ví. Trong các ngày 23/4/2019, 25/4/2019, 13/5/2019, 28/5/2019, T1 đã khai với nội dung: Khi đi đánh bạc, T1 đem đi 3.400.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, khi công an bắt quả tang, T1 đang thua bạc, lúc này trên tay T1 cầm khoảng hơn 3.000.000đ (ba triệu đồng), T1 đã tự nguyện đặt xuống chiếu bạc, không có việc lực lượng bắt lấy tiền trong ví T1 ném ra ngoài chiếu bạc vì T1 đã bỏ hết số tiền trong ví ra cầm trên tay để đánh bạc, nên ví của T1 không có tiền. Số tiền 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) công an thu giữ là tiền nằm trên chiếu bạc và trên tay các bị cáo tự nguyện đặt xuống. Các bản khai trước T1 có khai là T1 cầm trên tay phải 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) và trong ví của T1 có 2.000.000đ là do T1 nhớ nhầm vì lúc đó T1 đã thua hết 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) nên T1 đã rút hết tiền trong ví ra, khi bị công an bắt quả tang, trong ví T1 không còn tiền, không có ai trong lực lượng bắt lấy tiền trong ví của T1. Sau khi nhận quyết định khởi tố bị can, T1 khai bản thân bị khởi tố về tội đánh bạc là hoàn toàn đúng, đồng ý với quyết định và không có ý kiến gì. Trong giai đoạn điều tra, T1 xác định đều tự nguyện khai báo, không bị ai ép cung, nhục hình, không bị ai xúi giục, dụ dỗ, tất cả những lời khai trên đều đúng sự thật. Tuy nhiên, sau khi kết thúc điều tra, T1 không nhận bản Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra với lý do “... *tôi cần có luật sư của tôi thì tôi mới ký nhận bản kết luận*”. Sau đó, trong giai đoạn truy tố, T1 tiếp tục thay đổi

nội dung lời khai, T1 cho rằng nội dung lời khai của T1 hồi 18 giờ 30 phút ngày 18/4/2019 mới là đúng và khi bắt quả tang, cán bộ Trọng gom tiền và có hành động là rút số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) trong ví của bị cáo ra để gom vào số tiền các bị cáo đánh bạc, nên tổng số tiền là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với Hà Ngọc S , Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1, quá trình điều tra kể từ khi bắt quả tang đến ngày 02/8/2019, S, H1, H3 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, xác định khi bắt quả tang số tiền thu trên chiếu bạc là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), không nhìn thấy, không có việc, không có chuyện cán bộ công an rút tiền của T1 bỏ ra chiếu bạc. Khi nhận bản kết luận điều tra các bị cáo đều đồng ý với bản kết luận điều tra. Tuy nhiên, quá trình điều tra bổ sung, ngày 08/8/2019, cả 3 bị cáo S, H1, H3 đã thay đổi lời khai. Bị cáo S khai: Khi bị bắt quả tang nghe thấy T1 kêu to là “Các ông không được lấy tiền trong ví tôi ra”. Bị cáo H3 thay đổi nội dung lời khai so với lời khai trước là nghe thấy T1 nói: “Không được lấy tiền trong ví tôi ra” khi bị bắt quả tang vụ đánh bạc nêu trên. Bị cáo H1 khai khi bắt quả tang vụ đánh bạc thì T1 nói “Không được bỏ tiền trong ví của tôi ra”, còn câu các ông hay các anh thì không nghe rõ.

Quá trình xét hỏi, thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm trong các ngày 08, 09, 13 tháng 5 năm 2020, các bị cáo Hà Ngọc S , Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1, Nguyễn Văn T1 khai nhận: Các bị cáo đánh bạc tại nhà của bị cáo S ngày 18/4/2019, đánh từ khoảng 11 giờ đến hơn 12 giờ thì bị bắt quả tang. Hình thức, công cụ, phương tiện đánh như đã nêu ở trên. Bộ bài dùng để đánh bạc, chiếc chiếu ngồi để đánh bạc là của bị cáo S, mức đặt cược thấp nhất là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) mỗi ván, thời gian đánh không thỏa thuận hạn chế. Các bị cáo khai khi bị bắt quả tang các bị cáo có bị khống chế nhưng không bị đánh đập, xúc phạm gì. Bị cáo T1 khai bị cáo không đồng ý với bản cáo trạng với lý do khi bắt quả tang, số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) của bị cáo trong ví, tổng số tiền đánh bạc chỉ có 4.950.000đ (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Khi cán bộ T3 rút tiền trong ví ra, bị cáo bảo không được rút tiền trong ví tôi ra. Các bị cáo S, H1, H3 mới đầu khẳng định lời khai ngày 08/8/2019 mới là đúng: Khi Công an huyện ĐH đến bắt quả tang vụ đánh bạc, không nhìn thấy nhưng có nghe thấy bị cáo T1 nói là không được rút tiền trong ví của bị cáo T1 ra. Sau đó, bị cáo S và H3 lại khai nhìn thấy cán bộ T3 giật ví trong tay bị cáo T1, rút tiền trong ví đặt lên chiếu bạc. Bị cáo S còn khai thêm: Không chỉ nhìn thấy cán bộ T3 giật ví của T1 và để tiền trên chiếu bạc, không chỉ nghe thấy T1 hô to "Các ông không được lấy tiền trong ví tôi ra", mà còn nghe thấy bị cáo T1 nói sao lại lấy tiền trong ví tôi lập vào biên bản. Các bị cáo khai khi tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, kiểm đếm thu giữ tổng số tiền 6.950.000đ trên chiếu bạc, 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu nhựa các bị cáo ngồi đánh bạc.

Khi lập xong biên bản bắt người phạm tội quả tang và cho tiền, vật chứng thu giữ vào phong bì thì ông Nguyễn Văn C – Trưởng Công an xã KS mới đến,

sau đó có ông Nguyễn Văn N – Trưởng xóm 8 KT đến và thông qua biên bản, các bị cáo ký biên bản sau đó người chứng kiến ký. Các bị cáo được ký vào các bì niêm phong tiền, đồ vật; sau đó các bị cáo bị đưa về trụ sở Công an huyện ĐH, đến trụ sở khoảng hơn 14 giờ cùng ngày; tại trụ sở các bị cáo mới viết bản tự khai và cán bộ lấy lời khai.

Tại phiên tòa ngày 08, 09 và 13 tháng 5 năm 2020, các bị cáo đều cho rằng quá trình điều tra, các bị cáo đều được cán bộ hướng dẫn viết bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo không được khai, chỉ được ký biên bản sau khi thông qua, các biên bản hỏi cung tại Viện kiểm sát cũng đều do cán bộ T3 dẫn đã khai tại cơ quan điều tra khai như thế nào thì khai như thế. Bị cáo T1 khai: bị cáo chỉ được ký vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, nhưng khi đọc biên bản bị cáo không đề ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Điều tra viên, cán bộ điều tra, cán bộ thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH trong tổ công tác được phân công nhiệm vụ bắt quả tang vụ đánh bạc tại nhà Hà Ngọc S đều khẳng định: Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã thực hiện theo sự chỉ đạo của lãnh đạo, theo đúng quy định của pháp luật, quá trình thực hiện nhiệm vụ hoàn toàn khách quan; việc bắt quả tang, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo đúng quy định của pháp luật, không ai trong tổ công tác lấy tiền trong ví của bị cáo T1 ra để trên chiếu bạc; số tiền thu trên chiếu bạc được kiểm đếm nhiều lần, số tờ từng mệnh giá được kiểm tra đúng, biên bản lập và đọc lại cho các đối tượng nghe trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn C – Trưởng công an xã và ông Nguyễn Văn N – Trưởng xóm. Quá trình bắt, lập biên bản các đối tượng đều chấp hành, không có ý kiến gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hà Ngọc S , Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Hà Ngọc S** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 27/12/2019.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Đoàn Đức H3** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019; xử phạt bị cáo **Đoàn Văn H1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung các bị cáo Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1, Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1 mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); Tịch thu, tiêu hủy: 36 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc nhựa của Hà Ngọc S ; Tạm giữ của bị cáo Hà Ngọc S: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5 Prime đã qua sử dụng để đảm bảo công tác thi hành án; trả 01 ví da màu vàng nhạt cho bị cáo S; Tạm giữ của bị cáo Đoàn Văn H1: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy Grand P đã qua sử dụng để đảm bảo cho công tác thi hành án; Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại hiệu OPPO R7 Pluss màu vàng đã qua sử dụng, để đảm bảo cho công tác thi hành án; trả 01 ví da màu đen sẫm cho bị cáo T1; Tạm giữ của bị cáo Đoàn Đức H3: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5 Pro màu đen đã qua sử dụng để đảm bảo cho công tác thi hành án; trả 01 ví da màu nâu đen cho bị cáo H3.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 25/6/2020 các bị cáo Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa và tuyên bố các bị cáo không có tội.

Ngày 22/8/2020, bị cáo T1 có đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo: bị cáo xin giảm hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3; Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với 3 bị cáo.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, sửa bản án sơ thẩm. Giữ nguyên mức án và chuyển biện pháp cải tạo cho bị cáo T1 hưởng án treo.

Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hà Ngọc S và Đoàn Văn H1 không tranh luận gì.

Bị cáo Đoàn Đức H3 tranh luận cho rằng:

-Biên bản phạm pháp quả tang đã bị sửa chữa nhưng không có xác nhận; khi bắt các bị cáo không có ông C1 nhưng ông C1 lại ký vào biên bản.

- Khi tiến hành lấy lời khai, anh T3 là công an huyện ĐH đã đọc nội dung cho bị cáo viết.

- Khi bắt giữ, anh S bị mất 11.700.000đ để ở trong ví. T1 mất giấy phép lái xe; tại thời điểm đó xe ô tô để ở cổng nhà anh S, bị cáo đã phải nhờ anh Đoàn

Văn T5 bỏ ra 15.000.000đ để lấy xe ô tô tránh bị thu giữ, những nội dung này chưa được giải quyết.

- Khi giải quyết vụ án này, chính ông Hoàng Văn K là Phó Chánh án tự ra quyết định phân công cho mình để giải quyết là không đúng pháp luật. Đối với ông Nghĩa là kiểm sát viên đang bị tố cáo nhưng vẫn giữ quyền công tố.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp các nội dung:

- Về biên bản phạm pháp quả tang có các nội dung do bị cáo đưa ra đã được cấp sơ thẩm yêu cầu giải trình và làm rõ không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, tại phiên tòa hôm nay, những cán bộ công an thực hiện nhiệm vụ đã làm rõ và khẳng định hoàn toàn đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về những hành vi của mình.

- Về nội dung bị cáo H3 cho rằng: khi lấy lời khai, anh T3 đã đọc cho bị cáo viết nhưng tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được chứng cứ gì. Anh T3 khẳng định quá trình điều tra là hoàn toàn khách quan theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung thứ 3 cũng đã được cấp sơ thẩm xem xét. Nếu có căn cứ, các bị cáo có quyền đề nghị cơ quan điều tra xem xét giải quyết theo thẩm quyền trong vụ án khác.

- Đối với việc Phó Chánh án Hoàng Văn K tự phân công cho mình giải quyết xét xử vụ án là do tại thời điểm đó, ông Chánh án đi học nên đã ủy quyền cho ông Hoàng Văn K thực hiện nhiệm vụ nên việc phân công đó là hoàn toàn đúng quy định tại Điều 44 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc phân công Kiểm sát viên Bùi Đức N1 thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án như đã nêu trên.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử công bằng không làm oan các bị cáo

Bị cáo Nguyễn Văn T1 xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 được làm trong hạn luật định là hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm hôm nay. Việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo T1 được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt luật sư bào chữa cho các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa đã được mở lần thứ 4:

- Phiên tòa lần 1 mở ngày 25/8/2020 có mặt 3 bị cáo Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1 và Đoàn Văn H1, cả 3 bị cáo đều không yêu cầu luật sư bào chữa. Tuy nhiên do vắng mặt bị cáo Đoàn Đức H3 lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật, hoãn phiên tòa.

- Phiên tòa lần 2 mở ngày 01/9/2020, 3 bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 lại yêu cầu luật sư bào chữa. Hội đồng xét xử đã thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và yêu cầu luật sư đến làm thủ tục bào chữa theo quy định tại Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự và phải có mặt tại phiên tòa tiếp theo để xét xử.

- Phiên tòa lần 3 mở ngày 17/9/2020, nhưng ngày 16/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận được đơn đề nghị hoãn phiên tòa của Luật sư với lý do đã có lịch tham gia phiên tòa khác. Hội đồng xét xử đã thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và yêu cầu các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 thông tin cho luật sư phải có mặt tại phiên tòa tiếp theo để xét xử.

- Phiên tòa lần 4 mở ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã gửi giấy triệu tập luật sư theo đường bưu điện đảm bảo nhưng luật sư vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng khác đã thảo luận và quyết định: căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người bào chữa cho 3 bị cáo.

[2] Về nội dung: Tại đơn thay đổi nội dung kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T1 khai nhận: Sáng ngày 18/4/2019, Nguyễn Văn T1, Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1 đến nhà của Hà Ngọc S trú tại xóm 8 KT, xã KS (nay là xóm AS, xã KP), huyện DH, tỉnh Thái Nguyên chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, cả nhóm gồm S, T1, H3, H1 rủ nhau đánh bạc bằng hình thức "ba cây", sát phạt nhau bằng tiền. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo đem theo 3.400.000đ bị cáo dùng để đánh bạc. Đến 12 giờ 15 phút, ngày 18/4/2019, tổ công tác Công an huyện Định Hóa đã phát hiện bắt giữ Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3. Tổ công tác tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; Biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ. Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc gồm: 6.950.000đ cùng các vật chứng khác.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1 vẫn kêu oan và giữ quyền im lặng không khai báo. Tuy nhiên qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đặc biệt là tại các bản tự khai của Hà Ngọc S (từ bút lục 142 đến 149); bản tự khai của Đoàn Đức H3 (từ bút lục 171 đến 179); bản tự khai của Đoàn Văn H1 (từ bút lục 197 đến 203) các bị cáo đều khai nhận đã tham gia đánh bạc tại nhà Hà Ngọc S ngày 18/4/2019 và đã bị bắt quả tang, thu trên chiếu bạc số tiền là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Các bị cáo đều xác định được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình, không bị ai xúi giục, dụ dỗ. Như vậy, việc các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1 kêu oan, không nhận tội chỉ nhằm trốn tránh trách nhiệm đối với hành vi phạm tội do chính các bị cáo đã thực hiện.

Qua những phân tích nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: ngày 18/4/2019 các bị cáo Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 đã có hành vi

đánh bạc bằng hình thức "ba cây", sát phạt nhau bằng tiền. Các bị cáo đã bị tổ công tác Công an huyện Định Hóa đã phát hiện bắt quả tang và thu giữ thu được trên chiếu bạc là 6.950.000 đồng và các vật chứng có liên quan.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Hà Ngọc S, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 xin giảm án và xin cải tạo tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án như đã tuyên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không nhận tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung và án phí nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy có căn cứ áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự, chuyển biện pháp cải tạo, cho bị cáo hưởng án treo theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Hà Ngọc S , Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 đề nghị xem xét hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và tuyên bố các bị cáo không có tội. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua các đánh giá phân tích như đã nêu trên cho thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo mức án như đã tuyên là đúng pháp luật, không oan. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của 3 bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm đối với 3 bị cáo. Cả 3 bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm đều không nhận tội nên không có căn cứ cho các bị cáo hưởng khoan hồng của pháp luật.

[4]. Ngoài các nội dung nêu trên, quá trình giải quyết vụ án, bị cáo S khai: khi bắt quả tang bị cáo có đưa ví cho cán bộ T4, trong ví của bị cáo có 11.700.000đ (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng hiện nay không thấy ở đâu và khi được tại ngoại về nhà bị cáo nghe vợ nói mất 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) để được tại ngoại; Bị cáo H3 khai quá trình bắt người phạm tội quả tang bị cáo nhờ anh Đoàn Văn T5 nộp 15.000.000đ cho cán bộ T4. Bị cáo đã làm đơn tố cáo đến cơ quan chức năng và thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan đó nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

Đối với việc Phó Chánh án Hoàng Văn K tự phân công cho mình giải quyết xét xử vụ án là hoàn toàn đúng quy định tại Điều 44 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 48 luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Việc phân công Kiểm sát viên Bùi Đức N1 thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các nội dung khác đã được kiểm sát viên đối đáp ở phần nêu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[6] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đối với 3 bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Hà Ngọc S** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Đoàn Đức H3** 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019; xử phạt bị cáo **Đoàn Văn H1** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến ngày 23/5/2019.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung các bị cáo Hà Ngọc S, Đoàn Đức H3, Đoàn Văn H1 mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); Tịch thu, tiêu hủy: 36 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc nhựa của Hà Ngọc S ; Tạm giữ của bị cáo Hà Ngọc S : 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5 Prime đã qua sử dụng để đảm bảo công tác thi hành án; trả 01 ví da màu vàng nhạt cho bị cáo S; Tạm giữ của bị cáo Đoàn Văn H1: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy Grand P đã qua sử dụng để đảm bảo cho công tác thi hành án; Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại hiệu OPPO R7 Pluss màu vàng đã qua sử dụng, để đảm bảo cho công tác thi hành án; trả 01 ví da màu đen sẫm cho bị cáo T1; Tạm giữ của bị cáo Đoàn Đức H3: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5 Pro màu đen đã qua sử dụng để đảm bảo cho công tác thi hành án; trả 01 ví da màu nâu đen cho bị cáo H3.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 sửa bản án sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo T1.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội “đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho UBND xã KP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận việc bị cáo T1 đã nộp 10.200.000đ là tiền phạt bổ sung và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0008947 ngày 24/8/2020.

3/ Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đối với bị cáo T1 đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Buộc các bị cáo Hà Ngọc S , Đoàn Văn H1, Đoàn Đức H3, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện ĐH;
- Công an, VKSND huyện ĐH;
- THADS huyện ĐH;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Khánh Hồng